

DỰ KIẾN KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án/ Nguồn vốn	Tổng số thu tiền SDD	Tổng số lô đất	Thời điểm hoàn thành	Dự kiến khả năng thu năm 2024				Dự kiến khả năng thu năm 2025			
					Số lô	Giá khởi điểm (tỷ đồng)	Thành tiền	Điều tiết ngân sách cấp huyện	Số lô	Giá khởi điểm	Thành tiền	Điều tiết ngân sách cấp huyện
	Tổng (A+B)	13.833.726										
A	CÁC DỰ ÁN KDC ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN NSNN	8.152.602										
I	CÁC KHU DÂN CƯ ĐẦU GIÁ NĂM 2021	2.622.277										
II	CÁC KHU DÂN CƯ ĐẦU GIÁ NĂM 2022	2.201.605										
III	CÁC KHU DÂN CƯ ĐẦU GIÁ NĂM 2023	1.000.000										
IV	CÁC KHU DÂN CƯ ĐẦU GIÁ NĂM 2024-2025	2.328.720	1.964		847		1.000.000	600.000	1.117	-	1.328.720	797.232
I	Các quỹ đã đầu tư hạ tầng sẵn sàng đầu giá trong năm 2024)	166.820	151		151		166.820	100.092				
1	KDC đường vành đai IV, thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn	4.800	4	2024	4	1.200	4.800	2.880				
2	KDC Thượng Phúc (giai đoạn 2), xã Tăng Tiến	33.600	28		28	1.200	33.600	20.160				
3	KDC Sơn Quang, Tân Sơn, xã Trung Sơn	5.000	5		5	1.000	5.000	3.000				
4	KDC Bắc Quang Châu, xã Trung Sơn	24.000	20		20	1.200	24.000	14.400				
5	KDC Đồng Vân, xã Quang Châu	2.400	2		2	1.200	2.400	1.440				
6	KDC thôn Sơn Hải, xã Trung Sơn	5.000	5		5	1.000	5.000	3.000				
7	KDC thôn Kép, xã Việt Tiến	18.000	18		18	1.000	18.000	10.800				
8	KDC Trúc Tay - Trung Đồng, xã Vân Trung	74.020	69		69	1.073	74.020	44.412				

STT	Dự án/ Nguồn vốn	Tổng số thu tiền SDD	Tổng số lô đất	Thời điểm hoàn thành	Dự kiến khả năng thu năm 2024				Dự kiến khả năng thu năm 2025			
					Số lô	Giá khởi điểm (tỷ đồng)	Thành tiền	Điều tiết ngân sách cấp huyện	Số lô	Giá khởi điểm	Thành tiền	Điều tiết ngân sách cấp huyện
II	Các quỹ đất dự kiến đầu giá năm 2024-2025 (đang GPMB, đầu tư dự án)	2.161.900	1.813		696		833.180	499.908	1.117		1.328.720	797.232
1	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Xây dựng khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho giai đoạn 4, thị trấn Bích Động	40.600	29	2024-2025	29	1.400	40.600	24.360				
2	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện. Hạng mục: Xây dựng khu dân cư thôn Thượng Phúc, Tăng Tiến, huyện Việt Yên (Giai đoạn 1)	56.400	47		47	1200	56.400	33.840				
3	KDC Văn Xá, TT Bích Động	79.300	61		61	1300	79.300	47.580				
4	KDC tổ dân phố Trung, thị trấn Bích Động	156.000	156		156	1000	156.000	93.600				
5	KDC trung tâm TT Bích Động (số 3)	84.000	56		56	1500	84.000	50.400				
6	KDC Thượng Phúc, Tăng Tiến; Đức Liễn, Hồng Thái, huyện Việt Yên	190.800	159		95	1200	114.480	68.688	64	1200	76.320	45.792
7	KDC Thượng Phúc, xã Tăng Tiến (Giai đoạn 3)	122.400	102		61	1200	73.440	44.064	41	1200	48.960	29.376
8	KDC Đông Tiến, xã Quang Châu	96.000	80		32	1200	38.400	23.040	48	1200	57.600	34.560
9	KDC Như Thiết, xã Hồng Thái	166.800	139		56	1200	66.720	40.032	83	1200	100.080	60.048
10	KDC Như Thiết, xã Hồng Thái (Giai đoạn 2)	309.600	258		103	1200	123.840	74.304	155	1200	185.760	111.456
11	Khu dân cư Yên Ninh, Ninh Khánh thị trấn Nễnh, huyện Việt Yên	324.000	270						270	1200	324.000	194.400
12	KDC công viên Hồ Dục Quang, TT Bích Động	348.000	290						290	1200	348.000	208.800
13	KDC công viên Hồ Dục Quang, TT Bích Động (giai đoạn 2)	64.800	54						54	1200	64.800	38.880
14	KDC Ninh Khánh (vùng 1), TT Nễnh	123.200	112						112	1100	123.200	73.920

STT	Dự án/ Nguồn vốn	Tổng số thu tiền SDD	Tổng số lô đất	Thời điểm hoàn thành	Dự kiến khả năng thu năm 2024				Dự kiến khả năng thu năm 2025			
					Số lô	Giá khởi điểm (tỷ đồng)	Thành tiền	Điều tiết ngân sách cấp huyện	Số lô	Giá khởi điểm	Thành tiền	Điều tiết ngân sách cấp huyện
STT	Dự án/ Nguồn vốn	Tổng số thu tiền SDD	Diện tích đất ở giao nhà đầu tư (ha)	Thời điểm hoàn thành	Diện tích đất thu tiền sử dụng đất (m2)	Dự kiến đơn giá thu tiền sử dụng đất (triệu đồng)	Dự kiến số thu năm 2023	Dự kiến số thu năm 2024	Dự kiến số thu năm 2025	Ghi chú		
B	CÁC DỰ ÁN KDC, KĐT NGOÀI NSNN	5.681.124			362.228		574.367	1.021.352	4.085.406			
1	Khu đô thị mới phía nam Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	470.400	5,88	2024-2025	58.800	8		94.080	376.320			
2	Khu B thuộc khu đô thị mới Đình Trám - Sen Hồ	2.213.126	27,66		276.641	8		442.625	1.770.500			
3	Khu dân cư mới phía Bắc xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	32.832	0,4104		4.104	8		6.566	26.266			
4	Khu đô thị mới Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	310.367	3,04	2023	30.428	10,2	310.367					
5	Khu đô thị mới thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	706.400	8,83	2024-2025	88.300	8		141.280	565.120			
6	Khu đô thị số 7 trên tuyến ĐT.295B, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	182.400	2,28		22.800	8		36.480	145.920			
7	Khu dân cư mới Bích Sơn	120.000	1,5	2023	15.000	8	120.000					
8	Khu đô thị số 2, xã Tự Lạn, huyện Việt Yên	476.000	5,95	2024-2025	59.500	8		95.200	380.800			
9	Khu đô thị số 1, xã Tự Lạn, huyện Việt Yên	392.000	4,9		49.000	8		78.400	313.600			
10	Khu đô thị dịch vụ thương mại tổng hợp thị trấn Bích Động	298.400	3,73		37.300	8		59.680	238.720			
11	Khu dân cư thôn Nam Ngạn, xã Quang Châu, huyện Việt Yên	143.200	1,79		17.900	8		28.640	114.560			
12	Khu dân cư mới thôn Trung Đồng, xã Vân Trung, huyện Việt Yên	144.000	1,8	2023	18.000	8	144.000					
13	Khu đô thị mới Sen Hồ, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	192.000	2,4	2024-2025	24.000	8		38.400	153.600			

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Nghị quyết; Quyết định phê duyệt Chủ trương; Quyết định phê duyệt dự án	Trước điều chỉnh		Điều chỉnh TMDT và kế hoạch vốn Trung hạn 2021-2025				Sau điều chỉnh		Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn	Điều chỉnh giảm TMDT	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn	Điều chỉnh tăng TMDT	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn	
TỔNG (I+II+III+IV)				359.000	357.347	209.400	184.400	209.400	184.400	384.400	359.400	
I	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KHÔNG THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN 2021-2025			59.000	57.347	59.000	57.347	-	-	-	-	
1	Khu dân cư thôn 6, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD huyện	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 15/12/2020	59.000	57.347	59.000	57.347			-	-	
II	ĐIỀU CHỈNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			300.000	300.000	125.000	125.000	-	-	175.000	175.000	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối vành đai IV với cầu Hà Bắc 1, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/9/2022	300.000	300.000	125.000	125.000			175.000	175.000	
III	DỰ PHÒNG						2.053					
IV	BỔ SUNG TĂNG DANH MỤC DỰ ÁN GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN 2021-2025			-	-	-	-	209.400	184.400	209.400	184.400	
	GIÁO DỤC											
1	Đầu tư xây dựng trường Tiểu học xã Tiên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	658/QĐ-UBND ngày 16/6/2023					44.900	44.900	44.900	44.900	
	GIAO THÔNG									-	-	
2	Xây dựng tuyến đường phía Đông Bắc và Tây Bắc giáp lô CT.1; CT.2 của dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại KĐT mới thị trấn Nénh	Ban QLDA ĐTXD huyện	658/QĐ-UBND ngày 16/6/2023					55.000	30.000	55.000	30.000	Thông báo số 139/TB-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện						100.000	100.000	100.000	100.000	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Nghị quyết; Quyết định phê duyet Chủ trương; Quyết định phê duyệt dự án	Trước điều chỉnh		Điều chỉnh TMDT và kế hoạch vốn Trung hạn 2021-2025				Sau điều chỉnh		Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn	Điều chỉnh giảm TMDT	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn	Điều chỉnh tăng TMDT	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn	
	QUỐC PHÒNG									-	-	
4	Xây dựng công trình phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, phòng thủ dân sự huyện (Bến hạ thủy).	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	659/QĐ-UBND ngày 16/6/2023					5.000	5.000	5.000	5.000	267/BCH-TM ngày 10/5/2023 ; 335/TTr-BCH ngày 18/6/2023; 334/BC-BCH ngày 18/6/2023 của Ban Chỉ huy quân sự huyện
5	Thao trường huấn luyện Ban CHQS huyện: Hạng mục: Đài chỉ huy điều hành thao trường và Lắp đặt hệ thống thiết bị thao trường bắn búa ẩn hiện ban ngày.	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	659/QĐ-UBND ngày 16/6/2023					4.500	4.500	4.500	4.500	

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương, Quyết định phê duyệt dự án	Trước điều chỉnh			Điều chỉnh TMBĐT và kế hoạch vốn ĐTC 2023			Giá trị sau điều chỉnh	
				Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2022	Kế hoạch vốn ĐTC năm 2023	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ĐTC 2023	Điều chỉnh tăng TMBĐT	Điều chỉnh tăng vốn ĐTC 2023 từ điều chỉnh giảm ĐTC 2023	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn ĐTC 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
TỔNG (A+B+C)				223.038	67.161	59.200	31.000	376.010	31.000	599.049	126.361
A.	ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CỦA DANH MỤC, DỰ ÁN ĐTC 2023 (1+2)			57.000	-	55.500	31.000			57.000	24.500
1	Đổi ứng và hỗ trợ cơ quan Tỉnh đóng trên địa bàn: Tòa Án; Công an Huyện, công an xã, Quân sự			49.000	-	49.000	29.000	-	-	49.000	20.000
1.1	Trụ sở Công an huyện Việt Yên	Công an huyện	9855/QĐ-BCA-H02, ngày 31/12/2022	29.000		29.000	19.000			29.000	10.000
1.2	Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Tòa án Nhân dân huyện	918a/QĐ-TA, ngày 12/7/2021	20.000		20.000	10.000			20.000	10.000
2	Dự án ĐTC năm 2023 cấp huyện (theo NQ 30/NQ-HĐND ngày 14/02/2022)			8.000	-	6.500	2.000			8.000	4.500
2.1	Đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa trên địa bàn huyện Việt Yên; hạng mục: mua sắm thiết bị	Phòng Văn Hóa và Thông tin	2434/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 7510/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	8.000		6.500	2.000			8.000	4.500
B	BỔ TRÍ VỐN BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP THỰC HIỆN NĂM 2022 TRỞ VỀ TRƯỚC			114.538	67.161	3.000	-	-	20.500	114.538	90.661
1	Xây dựng sở chỉ huy trong căn cứ chiến đấu huyện Việt Yên và Trận địa phòng không 12,7mm	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	44.950	27.226	-	-		17.500	44.950	44.726
2	Khu dân cư mới dọc tuyến đường Yên Ninh, thị trấn Nển (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 05/3/2021; số 2593/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	69.588	39.935	3.000			3.000	69.588	45.935

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương, Quyết định phê duyệt dự án	Trước điều chỉnh			Điều chỉnh TMDT và kế hoạch vốn ĐTC 2023			Giá trị sau điều chỉnh	
				Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến ngày 31/12/2022	Kế hoạch vốn ĐTC năm 2023	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ĐTC 2023	Điều chỉnh tăng TMDT	Điều chỉnh tăng vốn ĐTC 2023 từ điều chỉnh giảm ĐTC 2023	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn ĐTC 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
C	BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN VÀ PHÂN BỐ VỐN ĐTC 2023 (I+II+III)			51.500	-	700	-	376.010	10.500	427.510	11.200
I	BỔ SUNG DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ ĐTC 2023			-	-	-	-	374.900	1.200	374.900	1.200
1	Đầu tư xây dựng trường Tiểu học xã Tiên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	658/QĐ-UBND ngày 16/6/2023					44.900	300	44.900	300
2	Xây dựng tuyến đường phía Đông Bắc và Tây Bắc giáp lô CT.1; CT.2 của dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại KĐT mới thị trấn Nénh	Ban QLDA ĐTXD huyện	658/QĐ-UBND ngày 16/6/2023					55.000	300	55.000	300
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện	-					100.000	300	100.000	300
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối vành đai IV với cầu Hà Bắc 1, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện	NQ 21/NQ-HĐND ngày 19/09/2022					175.000	300	175.000	300
II	BỔ SUNG VỐN ĐTC 2023 (các dự án đã có trong ĐTC 2023)			51.500	-	700	-	-	8.600	51.500	9.300
1	Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Tiên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2692/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	7.000		300			2.200	7.000	2.500
2	Đầu tư xây dựng trung tâm chính trị huyện Việt Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện	122/QĐ-UBND, ngày 17/02/2023 - PL.03	44.500		400			6.400	44.500	6.800
III	HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO XÃ: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CÔNG CẤP XÃ, HẠNG MỤC XD CB							1.110	700	1.110	700
1	Đầu tư xây dựng công trình: Bộ phận một cửa xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND xã Minh Đức	143/QĐ-UBND ngày 06/6/2023					1.110	700	1.110	700

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hiện nay	Dự kiến kế hoạch vốn ĐTC 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	CỘNG (A+B)				1.449.545	26.800	600.000	
A	ĐỐI ỨNG VÀ HỖ TRỢ CƠ QUAN TỈNH ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN (TÒA ÁN, CÔNG AN HUYỆN)				49.000	20.000	20.000	
1	Trụ sở Công an huyện Việt Yên	Công an huyện	8742/QĐ-BCA-H01 ngày 21/11/2022; 9665/QĐ-BCA-H01 ngày 23/12/2022	9855/QĐ-BCA-H02, ngày 31/12/2022	29.000	10.000	10.000	Căn cứ CV số 1513/CAT-HC, ngày 12/5/2023
2	Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Tòa án Nhân dân huyện	12/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 14/01/2020	918a/QĐ-TA, ngày 12/7/2021	20.000	10.000	10.000	Công văn số 486/TA-TGV, ngày 24/5/2023
B	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CẤP HUYỆN NĂM 2024 (I+II+III)				1.400.545	6.800	580.000	
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐTC 2024 (I.1+I.2)				14.000	-	1.475	
I.1	DỰ ÁN LẬP QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT				4.500	-	1.075	
1	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Phòng Tài nguyên và Môi trường			2.000		700	
2	Lập điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Phòng Tài nguyên và Môi trường			500		175	180/TNMT ngày 16/5/2023
3	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Phòng Tài nguyên và Môi trường			2.000		200	
I.2	DỰ ÁN CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG				9.500	-	400	
	QUỐC PHÒNG				9.500	-	400	

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hiện nay	Dự kiến kế hoạch vốn ĐTC 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Xây dựng công trình phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, phòng thủ dân sự huyện (Bến hạ thủy).	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	659/QĐ-UBND ngày 16/6/2023		5.000		200	267/BCH-TM ngày 10/5/2023 ; 335/TTr-BCH ngày 18/6/2023; 334/BC-BCH ngày 18/6/2023 của Ban Chỉ huy quân sự huyện
2	Thao trường huấn luyện Ban CHQS huyện: Hạng mục: Đài chỉ huy điều hành thao trường và Lắp đặt hệ thống thiết bị thao trường bắn bia ân hiện ban ngày.	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	659/QĐ-UBND ngày 16/6/2023		4.500		200	
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP	Ban quản lý dự án ĐTXD			1.333.959		560.950	Chi tiết PL 05
III	ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2024 (1+2)				52.586	6.800	17.575	
1	Dự án không có cấu phần xây dựng				8.086	-	2.000	
1.1	Vận hành hệ thống Camera an ninh trên địa bàn huyện Việt Yên (thực hiện theo từng năm) - Năm 2024	Công an huyện			6.836		1.000	Công văn số 420/UBND-VP ngày 13/02/2023
1.2	Đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa trên địa bàn huyện Việt Yên; Hạng mục: Mua sắm thiết bị - 2024	Phòng Văn Hóa và Thông tin	2434/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 7510/QĐ-UBND ngày 08/12/2022		1.250		1.000	Công văn số 118/PVHTT ngày 09/5/2023
2	Dự án có cấu phần xây dựng				44.500	6.800	15.575	
2.1	Đầu tư xây dựng trung tâm chính trị huyện Việt Yên	Ban quản lý dự án ĐTXD	122/QĐ-UBND, ngày 17/02/2023 - PL 03		44.500	6.800	15.575	

DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2023 TRỞ VỀ TRƯỚC CÀN BỐ TRÍ VỐN NĂM 2024 VÀ 2025*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Dự kiến khối lượng hoàn thành đến khi kết thúc dự án	Tổng vốn đã bố trí đến nay	Vốn đã bố trí đến 31/12/2022	Vốn bố trí năm 2023 (gồm cả chuyên nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi)	Nhu cầu vốn cần bố trí các năm cho dự án chuyên tiếp 2023 và dự án khởi công mới năm 2024		
							Tổng	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
	Cộng tổng	8.421.031.677.200	5.540.129.887.891	4.206.171.025.981	3.054.082.387.380	1.152.088.638.601	1.333.958.861.910	560.950.000.000	773.008.861.910
A	Dự án chuyên tiếp	6.192.314.124.200	4.943.600.887.891	3.931.471.025.981	3.047.366.314.380	884.104.711.601	1.018.547.456.910	472.938.595.000	545.608.861.910
1	GPMB và hạ tầng khu dân cư thôn Đạo Ngạn, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	33.340.200	33.340.200	33.340.200		33.340.200	-	-	-
2	BT, hỗ trợ GPMB khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư mới thôn Phúc Long, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên	226.710.000	226.710.000	226.710.000		226.710.000	-	-	-
3	GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện Việt Yên Hạng mục: Xây dựng Khu dân cư tại TDP 2, thị trấn Bích Động (vị trí Trung tâm Văn hóa-thông tin và thể thao huyện)	300.000.000	110.000.000	250.000.000		250.000.000	-	-	-
4	Đường vành đai thị trấn Bích Động (kết nối tuyến đường tỉnh 298 với đường tỉnh 295B), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	127.483.000.000	90.477.088.793	90.477.088.793	75.477.088.793	15.000.000.000	-	-	-
5	Hạ ngầm đường dây điện 35KV – Quảng trường trung tâm huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	3.445.854.000	3.175.828.000	3.175.828.000	2.924.751.000	251.077.000	-	-	-
6	Tu bổ khu di tích Mộ và đền thờ Thân Công Tài, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	31.732.489.000	23.306.495.000	22.306.495.000	20.751.013.500	1.555.481.500	1.000.000.000	1.000.000.000	-
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối đường tỉnh 298 đi Kiều đi Lăng Vàng, xã Bích Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	8.697.079.000	8.522.193.300	8.522.193.300	7.622.193.300	900.000.000	-	-	-
8	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường đô thị Doãn Đại Hiệu (Đường từ đường gom QL1A vào đền Thân Nhân Trung), thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	14.655.000.000	12.806.006.000	12.806.006.000	12.256.006.000	550.000.000	-	-	-
9	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường kết nối đường tỉnh 295B với Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	13.563.000.000	12.350.000.000	12.350.000.000	11.250.000.000	1.100.000.000	-	-	-
10	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường kết nối đường vành đai thị trấn Bích Động với Quốc Lộ 37	89.345.000.000	61.420.311.275	61.420.311.275	59.720.311.275	1.700.000.000	-	-	-
11	Trụ sở liên cơ quan huyện Việt Yên	95.264.782.000	88.500.000.000	87.000.000.000	85.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-
12	Quảng Trường trung tâm thị trấn Nénh (giai đoạn 2)	14.924.000.000	12.027.601.000	12.027.601.000	9.627.601.000	2.400.000.000	-	-	-
13	Tu bổ, tôn tạo hạng mục Tam bảo, nhà thờ tổ Chùa Phúc Tăng (Sùng Quang Tự), xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	10.705.000.000	7.291.546.000	7.291.546.000	6.671.546.000	620.000.000	-	-	-

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Dự kiến khối lượng hoàn thành đến khi kết thúc dự án	Tổng vốn đã bố trí đến nay	Vốn đã bố trí đến 31/12/2022	Vốn bố trí năm 2023 (gồm cả chuyển nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi)	Nhu cầu vốn cần bố trí các năm cho dự án chuyển tiếp 2023 và dự án khởi công mới năm 2024		
							Tổng	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
14	Tu bổ, tôn tạo Chùa Thổ Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	38.388.675.000	35.942.563.000	35.942.563.000	31.942.563.000	4.000.000.000	-	-	-
15	Xây dựng mới tuyến đường Hồ Công Dự kéo dài kết nối với đường Nguyễn Thế Nho, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	79.732.000.000	66.154.224.500	66.154.224.500	64.554.224.500	1.600.000.000	-	-	-
16	Đầu tư xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang	357.239.140.000	265.150.000.000	263.102.000.000	261.090.139.150	2.011.860.850	2.048.000.000	2.048.000.000	
17	Đầu tư xây dựng Đường kết nối QL17 - Khu công nghiệp Việt Hàn - Khu công nghiệp Đình Trám với QL37	199.997.000.000	150.314.021.000	148.614.021.000	146.614.021.000	2.000.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000	
18	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Đồng Vân, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	147.089.000.000	96.588.660.100	96.588.660.100	91.588.660.100	5.000.000.000	-	-	-
19	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Bắc Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	90.602.000.000	61.809.178.000	61.809.178.000	61.509.178.400	299.999.600	-	-	-
20	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Quốc lộ 17 với Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang qua Khu công nghiệp Yên Lư và Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.	322.762.602.000	247.728.128.906	147.728.128.906	118.228.128.906	29.500.000.000	100.000.000.000	70.000.000.000	30.000.000.000
21	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục - hạng mục: Đầu tư xây dựng tuyến đường Nghè Nénh (đoạn từ giáp nhà văn hóa Ninh Khánh đi giao đường Đoàn Đại Hiệu), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	14.607.013.000	11.191.197.600	11.191.197.600	10.325.197.600	866.000.000	-	-	-
22	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Từ Thượng Lan đi Cầu Vân Yên đi Việt Tiến	11.703.546.000	10.584.036.000	10.584.036.000	10.584.036.000	-	-	-	-
23	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Đầu tư xây dựng tuyến đường Kết nối 37 với đường 298	23.250.000.000	23.213.245.000	24.313.245.000	21.813.245.000	2.500.000.000	-	-	-
24	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục - hạng mục: Cải tạo nâng cấp các tuyến đường kết nối với đường vành đai 4.	14.530.839.000	13.367.345.680	13.367.345.680	12.867.345.680	500.000.000	-	-	-
25	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục - hạng mục: Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ Kè Trảng đến thôn Xuân Lạn và từ nhà Văn Hóa xã Hương Mai đến đình Mai Hạ, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh bắc Giang	12.044.080.000	11.582.251.000	11.582.251.000	10.612.251.000	970.000.000	-	-	-

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Dự kiến khối lượng hoàn thành đến khi kết thúc dự án	Tổng vốn đã bố trí đến nay	Vốn đã bố trí đến 31/12/2022	Vốn bố trí năm 2023 (gồm cả chuyển nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi)	Nhu cầu vốn cần bố trí các năm cho dự án chuyển tiếp 2023 và dự án khởi công mới năm 2024		
							Tổng	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
26	Đầu tư xây dựng Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang	114.164.000.000	79.750.805.720	79.750.805.720	75.488.389.920	4.262.415.800	-	-	-
27	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Xây dựng trường mầm non Quảng Minh, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	14.974.668.000	14.420.436.000	14.420.436.000	12.500.000.000	1.920.436.000	-	-	-
28	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Xây dựng Trường THCS Tiên sơn (giai đoạn 1)	14.461.000.000	13.577.397.000	13.577.397.000	12.577.397.000	1.000.000.000	-	-	-
29	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Xây dựng Trường THCS Tiên sơn (giai đoạn 2)	14.209.826.000	13.856.446.000	14.571.027.000	12.571.027.000	2.000.000.000	-	-	-
30	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nghĩa Trung.	14.965.795.000	14.546.550.000	14.372.491.000	13.761.545.000	610.946.000	174.059.000	174.059.000	-
31	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Xây dựng trường THCS Hồng Thái, giai đoạn 1.	14.964.245.000	14.815.739.000	14.815.739.000	13.431.563.000	1.384.176.000	-	-	-
32	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Xây dựng trường THCS Hồng Thái giai đoạn 2.	14.938.806.000	13.887.564.000	13.887.564.000	12.945.564.000	942.000.000	-	-	-
33	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục năm 2020, hạng mục: Xây dựng trường mầm non Vân Hà (hạng mục Sân nền, sân nền, Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ).	11.903.356.000	11.746.552.000	11.977.289.000	10.795.757.400	1.181.531.600	-	-	-
34	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tiên Sơn, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	8.598.000.000	8.330.105.000	8.530.123.000	7.958.026.800	572.096.200	-	-	-
35	Cải tạo nâng cấp Trường mầm non thị trấn Nénh, thị trấn nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	13.489.000.000	13.059.050.000	13.401.814.000	12.548.447.000	853.367.000	-	-	-
36	Xây dựng trường mầm non Vân Hà giai đoạn 2 (nhà lớp học tầng 12 phòng), xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	14.045.000.000	13.699.856.000	14.192.232.000	12.651.831.000	1.540.401.000	-	-	-
37	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Việt Tiến, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	10.925.000.000	10.185.959.000	10.184.595.000	9.475.000.000	709.595.000	1.364.000	1.364.000	-
38	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Hoàng Ninh, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	8.635.000.000	8.363.798.000	8.363.798.000	8.082.216.000	281.582.000	-	-	-
39	Xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư vùng 1 Ninh Khánh, thị trấn Nénh giai đoạn 1	11.835.000.000	9.375.173.000	9.375.173.000	8.875.173.000	500.000.000	-	-	-

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Dự kiến khối lượng hoàn thành đến khi kết thúc dự án	Tổng vốn đã bố trí đến nay	Vốn đã bố trí đến 31/12/2022	Vốn bố trí năm 2023 (gồm cả chuyển nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi)	Nhu cầu vốn cần bố trí các năm cho dự án chuyển tiếp 2023 và dự án khởi công mới năm 2024		
							Tổng	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
40	Xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư vùng 1 Ninh Khánh, thị trấn Nénh giai đoạn 2	12.390.000.000	6.324.408.000	6.324.408.000	5.824.408.000	500.000.000	-	-	-
41	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn 6 xã Việt Tiến (Giai đoạn 1)	11.395.000.000	10.748.238.000	10.748.238.000	10.248.238.000	500.000.000	-	-	-
42	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn 6 xã Việt Tiến (Giai đoạn 2)	9.595.000.000	9.745.683.150	9.745.683.150	9.245.683.150	500.000.000	-	-	-
43	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn Thượng Phúc, Tăng Tiến huyện Việt Yên	14.842.975.000	13.781.237.000	13.781.237.000	12.418.765.000	1.362.472.000	-	-	-
44	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn Thượng Phúc, Tăng Tiến (Giai đoạn 1), huyện Việt Yên	14.962.000.000	12.995.066.000	12.995.066.000	11.674.227.810	1.320.838.190	-	-	-
45	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn Thượng Phúc, Tăng Tiến (Giai đoạn 2), huyện Việt Yên	11.012.000.000	10.695.538.400	10.695.538.400	7.495.538.400	3.200.000.000	-	-	-
46	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn Yên Ninh, thị trấn Nénh	14.962.000.000	13.044.138.000	13.044.138.000	12.044.138.000	1.000.000.000	-	-	-
47	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; hạng mục: Xây dựng KDC đường Nguyễn Thế Nho giai đoạn 3, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	24.994.543.000	23.164.000.000	23.164.000.000	21.064.000.000	2.100.000.000	-	-	-
48	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; hạng mục: Xây dựng KDC đường Nguyễn Thế Nho giai đoạn 2, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	58.000.000.000	51.500.000.000	51.500.000.000	49.000.000.000	2.500.000.000	-	-	-
49	Bồi thường, hỗ trợ GPMB khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư thôn Vàng, thôn Tụ, xã Bích Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (Đợt 2)	12.269.650.000	12.081.328.000	12.081.328.000	11.544.442.568	536.885.432	-	-	-
50	Bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án khu dân cư thôn Bảy, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	1.112.311.000	577.168.310	577.168.310		577.168.310	-	-	-
51	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hạng mục: Khu dân cư thôn Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	87.469.000.000	61.890.595.515	61.890.595.515	58.590.595.515	3.300.000.000	-	-	-
52	Trường Trung học cơ sở xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Hạng mục: Nhà lớp học kết hợp nhà hiệu bộ	14.839.693.000	14.396.352.000	14.396.352.000	13.297.959.000	1.098.393.000	-	-	-
53	Trường trung học cơ sở xã Hoàng Ninh; Hạng mục: Nhà lớp học và phụ trợ	14.831.770.000	13.892.077.000	13.892.077.000	12.784.000.000	1.108.077.000	-	-	-
54	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục nối QL37 với đường vành đai IV, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	168.915.000.000	155.223.306.038	146.967.546.038	116.967.546.038	30.000.000.000	8.255.760.000	8.255.760.000	-

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Dự kiến khối lượng hoàn thành đến khi kết thúc dự án	Tổng vốn đã bố trí đến nay	Vốn đã bố trí đến 31/12/2022	Vốn bố trí năm 2023 (gồm cả chuyển nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi)	Nhu cầu vốn cần bố trí các năm cho dự án chuyển tiếp 2023 và dự án khởi công mới năm 2024		
							Tổng	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
55	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối 298B (thôn Khả Lý Thượng) với đường vành đai IV, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	139.606.830.000	120.074.047.000	114.474.047.000	94.474.047.000	20.000.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	-
56	Tuyến đường từ Hồ Công dự kéo dài đi đường Tự - Dương Huy; huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.	63.217.322.000	44.680.000.000	44.680.000.000	39.680.000.000	5.000.000.000	-	-	-
57	Đường kết nối đường vành đai Bích Động với đường vành đai Đông Bắc Thành phố Bắc Giang	214.623.078.000	138.214.246.165	138.214.246.165	88.114.246.165	50.100.000.000	-	-	-
58	Cải tạo, nâng cấp đường Yên Ninh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	4.997.727.000	4.871.912.000	4.871.912.000	4.871.912.000	-	-	-	-
59	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu dân cư thôn Phúc Long, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang	13.002.630.000	12.216.866.000	12.216.866.000	11.074.866.000	1.142.000.000	-	-	-
60	T trụ sở khối cơ quan Đảng, Đoàn thể huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	82.836.906.000	76.609.329.541	67.109.329.541	35.609.329.541	31.500.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000	-
61	Cải tạo, nâng cấp trung tâm y tế huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	13.000.000.000	11.664.893.000	11.664.893.000	11.064.893.000	600.000.000	-	-	-
62	Quần thể văn hóa, thể thao huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	165.000.000.000	155.500.000.000	62.705.260.800	15.665.578.800	47.039.682.000	92.794.739.200	40.000.000.000	52.794.739.200
63	Chỉnh trang cảnh quan hệ thống giao thông, không gian công cộng, cây xanh đô thị	15.000.000.000	14.082.596.000	14.082.596.000	13.872.105.000	210.491.000	-	-	-
64	Nhà văn hóa thôn Thổ Hà, xã Văn Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	3.771.000.000	3.694.615.000	3.694.615.000	3.481.334.000	213.281.000	-	-	-
65	Cải tạo hệ thống mương tiêu thôn Khả Lý Hạ, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên	3.000.000.000	2.781.783.000	2.781.783.000	1.600.000.000	1.181.783.000	-	-	-
66	Trường mầm non Văn Hà; hạng mục: Nhà bảo vệ, Sân và các hạng mục phụ trợ	4.995.671.000	4.896.971.000	4.896.971.000	4.598.284.000	298.687.000	-	-	-
67	Cải tạo nâng cấp Trường tiểu học Việt Tiến, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	12.500.000.000	12.323.980.000	12.323.980.000	11.123.980.000	1.200.000.000	-	-	-
68	Đầu tư xây dựng Trường mầm non thị trấn Nénh; huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 2)	9.525.952.000	8.236.000.000	8.236.000.000	7.540.268.000	695.732.000	-	-	-
69	Đầu tư xây dựng Trường THCS Hương Mai, xã Hương Mai, huyện Việt Yên	15.884.056.000	14.797.228.900	14.687.170.000	13.306.136.900	1.381.033.100	110.058.900	110.058.900	-
70	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Trung Sơn, xã Trung Sơn; huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	8.112.578.000	8.031.560.000	8.031.560.000	7.585.560.000	446.000.000	-	-	-
71	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Nénh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.	18.083.250.000	17.138.734.000	16.901.370.000	16.082.844.000	818.526.000	237.364.000	237.364.000	-
72	Cải tạo sửa chữa Trường tiểu học Văn Trung, xã Văn Trung; huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	4.573.209.000	4.276.157.000	4.276.157.000	4.059.077.000	217.080.000	-	-	-
73	Đầu tư xây dựng Trường mầm non Ninh Sơn, xã Ninh Sơn; huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	12.989.320.000	12.211.402.000	12.211.402.000	11.281.402.000	930.000.000	-	-	-
74	Tu bổ, tôn tạo Chùa Bồ Đà; hạng mục: Công, tường rào.	14.950.000.000	11.120.000.000	11.120.000.000	6.555.968.018	4.564.031.982	-	-	-
75	Tôn tạo, tu bổ quần thể di tích Đình Thượng Lát (giai đoạn 1)	15.000.000.000	11.151.000.000	11.151.000.000	5.788.228.000	5.362.772.000	-	-	-
76	Tu bổ, tôn tạo chùa Văn Cốc, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc	44.900.000.000	28.024.398.233	28.024.398.233	15.524.398.233	12.500.000.000	-	-	-

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Dự kiến khối lượng hoàn thành đến khi kết thúc dự án	Tổng vốn đã bố trí đến nay	Vốn đã bố trí đến 31/12/2022	Vốn bố trí năm 2023 (gồm cả chuyển nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi)	Nhu cầu vốn cần bố trí các năm cho dự án chuyển tiếp 2023 và dự án khởi công mới năm 2024		
							Tổng	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
77	Đền thờ danh nhân văn hóa Tiến Sĩ Thân Nhân Trung (giai đoạn 3)	39.615.734.000	36.856.312.400	36.856.312.400	32.956.312.400	3.900.000.000	-	-	-
78	Khu dân cư Yên Ninh, Ninh Khánh thị trấn Nễnh, huyện Việt Yên	120.000.000.000	102.000.000.000	23.157.496.250	11.657.496.250	11.500.000.000	78.842.503.750	20.000.000.000	58.842.503.750
79	Khu dân cư đường Hồ Công Dự nổi dài, thị trấn Bích Động	108.000.000.000	75.316.351.000	75.316.351.000	71.616.351.000	3.700.000.000	-	-	-
80	Khu dân cư đường Hồ Công Dự nổi dài (Khu 1), thị trấn Bích Động	50.400.000.000	46.209.245.000	46.209.245.000	45.709.245.000	500.000.000	-	-	-
81	Khu dân cư thôn Đạo Ngạn, xã Quang Châu	43.200.000.000	32.550.000.000	32.550.000.000	22.851.672.000	9.698.328.000	-	-	-
82	Khu dân cư thôn 6, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên (Giai đoạn 3)	58.999.827.000	49.159.000.000	49.159.000.000	48.450.000.000	709.000.000	-	-	-
83	Khu dân cư công viên Hồ Dục Quang, thị trấn Bích Động	119.750.457.000	101.787.888.450	33.205.873.940	28.205.873.940	5.000.000.000	68.582.014.510	10.592.517.550	57.989.496.960
84	Khu dân cư đường vành đai 4, Nội Ninh, xã Ninh Sơn	32.000.000.000	27.052.748.000	27.052.748.000	25.452.748.000	1.600.000.000	-	-	-
85	Khu dân cư Ninh Khánh (Vùng 1), thị trấn Nễnh	36.000.000.000	30.600.000.000	7.659.028.000	2.659.028.000	5.000.000.000	22.940.972.000	10.000.000.000	12.940.972.000
86	Khu dân cư thôn Sơn Quang, Tân Sơn, xã Trung Sơn	58.996.139.000	53.712.755.000	53.712.755.000	50.212.755.000	3.500.000.000	-	-	-
87	Khu dân cư thôn Sơn Hải, xã Trung Sơn	24.000.000.000	20.964.934.118	20.954.934.118	20.954.934.118	-	10.000.000	10.000.000	-
88	Khu dân cư thôn thượng Phúc, xã Tăng Tiến (giai đoạn 3)	36.000.000.000	30.600.000.000	7.820.148.000	1.017.958.000	6.802.190.000	22.779.852.000	10.000.000.000	12.779.852.000
89	Khu dân cư thôn Đông Tiến, xã Quang Châu	44.000.000.000	37.400.000.000	5.675.122.000	675.122.000	5.000.000.000	31.724.878.000	12.000.000.000	19.724.878.000
90	Khu dân cư thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức	6.990.880.000	5.385.423.360	5.385.423.360	5.185.423.360	200.000.000	-	-	-
91	Khu dân cư mới dọc tuyến đường Yên Ninh, thị trấn Nễnh (giai đoạn 2)	59.000.000.000	54.766.627.000	45.766.627.000	39.935.039.250	5.831.587.750	9.000.000.000	5.000.000.000	4.000.000.000
92	Khu dân cư thôn Như Thiết, xã Hồng Thái	59.000.000.000	50.150.000.000	11.204.721.000	1.204.721.000	10.000.000.000	38.945.279.000	15.000.000.000	23.945.279.000
93	Khu dân cư thôn Trúc Tay, Trung Đông, xã Văn Trung	68.602.706.000	51.046.180.560	43.046.180.560	26.046.180.560	17.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
94	GPMB, xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện; Hàng mục: Xây dựng khu dân cư đường Nguyễn Thế Nhỏ giai đoạn 4, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	15.650.639.000	10.873.206.950	10.873.206.950	10.373.206.950	500.000.000	-	-	-
95	GPMB, đầu tư khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất – Hàng mục: Khu dân cư thôn Sơn Quang, Tân Sơn, xã Trung Sơn (giai đoạn 2)	4.613.259.000	4.613.259.000	4.613.259.000	3.840.909.970	772.349.030	-	-	-
96	Tuyến đường kết nối từ đường tỉnh 298 đi khu công nghiệp Thượng Lan	256.061.273.000	137.650.000.000	137.650.000.000	102.650.000.000	35.000.000.000	-	-	-
97	Đầu tư xây dựng khu dân cư trung tâm thị trấn Bích Động (số 3) huyện Việt Yên	92.509.648.000	65.000.000.000	35.000.000.000	-	35.000.000.000	30.000.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000
98	Khu dân cư Sơn Quang Tân Sơn xã Trung Sơn giai đoạn 3	72.000.000.000	56.000.000.000	41.000.000.000	26.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Dự kiến khối lượng hoàn thành đến khi kết thúc dự án	Tổng vốn đã bố trí đến nay	Vốn đã bố trí đến 31/12/2022	Vốn bố trí năm 2023 (gồm cả chuyển nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi)	Nhu cầu vốn cần bố trí các năm cho dự án chuyển tiếp 2023 và dự án khởi công mới năm 2024		
							Tổng	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
99	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện huyện Việt Yên; Hạng mục: Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng chống cận cho các trường tiểu học và trung học cơ sở	14.971.934.000	10.300.000.000	10.000.000.000	9.000.000.000	1.000.000.000	300.000.000	300.000.000	-
100	Đầu tư trụ sở công an xã, thị trấn giai đoạn đến 2025 trên địa bàn huyện Việt Yên; Hạng mục: Trụ sở công an xã Ninh Sơn, xã Quang Châu	7.997.615.000	7.768.500.000	7.688.732.000	3.288.732.000	4.400.000.000	79.768.000	79.768.000	-
101	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Thượng Lan, xã Thượng Lan, huyện Việt Yên	14.994.276.000	13.900.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	-
102	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Tự Lạc	6.000.000.000	5.700.000.000	6.700.000.000	5.500.000.000	1.200.000.000	-	-	-
103	Đầu tư xây dựng trường tiểu học xã Tự Lạc	34.900.000.000	33.902.311.391	33.402.311.391	18.402.311.391	15.000.000.000	500.000.000	500.000.000	-
104	Cải tạo khuôn viên trung tâm hành chính UBND huyện Việt Yên	63.000.000.000	50.904.511.322	16.904.511.322	1.654.511.322	15.250.000.000	34.000.000.000	24.000.000.000	10.000.000.000
105	Chỉnh trang cảnh quan hệ thống giao thông, không gian công cộng, cây xanh đô thị; Hạng mục: Quần thể văn hóa thể thao huyện Việt Yên (giai đoạn 2)	160.000.000.000	141.201.824.000	51.201.824.000	4.078.162.000	47.123.662.000	90.000.000.000	50.000.000.000	40.000.000.000
106	Chỉnh trang cảnh quan hệ thống giao thông, không gian công cộng, cây xanh đô thị - Hạng mục: Chỉnh trang cảnh quan nút giao QL1 trên địa bàn huyện Việt Yên	26.000.000.000	22.900.000.000	21.000.000.000	16.337.738.000	4.662.262.000	1.900.000.000	1.900.000.000	-
107	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện huyện Việt Yên	39.923.300.000	37.650.000.000	37.150.000.000	36.150.000.000	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000	-
108	Đầu tư trụ sở công an xã, thị trấn giai đoạn đến 2025 trên địa bàn huyện Việt Yên; Hạng mục: Trụ sở công an thị trấn Bích Động	5.854.340.000	4.322.881.000	6.520.000.000	2.529.655.000	3.990.345.000	-	-	-
109	Đầu tư trụ sở công an xã, thị trấn giai đoạn đến 2025 trên địa bàn huyện Việt Yên; Hạng mục: Trụ sở công an xã Quảng Minh	8.000.000.000	6.520.000.000	6.520.000.000	3.713.703.000	2.806.297.000	-	-	-
110	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Quảng Minh	19.500.000.000	18.050.000.000	18.050.000.000	16.550.000.000	1.500.000.000	-	-	-
111	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Nghĩa Trung (Khu lẻ)	6.124.444.000	5.164.537.500	4.964.537.500	4.464.537.500	500.000.000	200.000.000	200.000.000	-
112	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Nghĩa Trung	12.834.236.000	11.493.518.000	11.493.518.000	10.697.833.000	795.685.000	-	-	-
113	Trưởng mầm non Tiên Sơn	15.000.000.000	12.750.000.000	12.750.000.000	631.479.000	12.118.521.000	-	-	-
114	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Minh Đức, khu trung tâm và khu lẻ	19.500.000.000	18.150.000.000	18.150.000.000	16.502.854.000	1.647.146.000	-	-	-
115	Đầu tư xây dựng trường THCS Văn Hà, xã Văn Hà	44.990.000.000	38.241.500.000	22.620.848.000	296.302.000	22.324.546.000	15.620.652.000	15.620.652.000	-
116	GPMB đầu tư KDC đấu giá quyền sử dụng đất: Khu dân cư Công viên Hồ Dục Quang (Giai đoạn 2)	30.617.033.000	26.024.478.050	11.200.650.500	6.200.650.500	5.000.000.000	14.823.827.550	14.823.827.550	-
117	GPMB đầu tư KDC đấu giá quyền sử dụng đất:Hạng mục: Khu dân cư tổ dân phố Tự thị trấn Bích Động	54.000.000.000	45.900.000.000	21.740.832.000	1.013.458.000	20.727.374.000	24.159.168.000	10.000.000.000	14.159.168.000
118	Khu dân cư Thượng Phúc, Tăng Tiến; Đức Liễu, Hồng Thái huyện Việt Yên	113.000.000.000	96.050.000.000	22.950.000.000	3.039.624.500	19.910.375.500	73.100.000.000	20.000.000.000	53.100.000.000

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Dự kiến khối lượng hoàn thành đến khi kết thúc dự án	Tổng vốn đã bố trí đến nay	Vốn đã bố trí đến 31/12/2022	Vốn bố trí năm 2023 (gồm cả chuyển nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi)	Nhu cầu vốn cần bố trí các năm cho dự án chuyển tiếp 2023 và dự án khởi công mới năm 2024		
							Tổng	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
119	Khu dân cư thôn Như Thiết, xã Hồng Thái (Giai đoạn 2)	120.000.000.000	102.000.000.000	21.134.515.000	1.934.515.000	19.200.000.000	80.865.485.000	14.000.000.000	66.865.485.000
120	Khu dân cư đường Dương Quốc Cơ thị trấn Bích Động	91.600.780.000	53.742.073.853	53.742.073.853	43.384.601.510	10.357.472.343	-	-	-
121	Khu dân cư tổ dân phố Kiều, thị trấn Bích Động	120.000.000.000	87.722.992.611	86.222.992.611	64.741.597.077	21.481.395.534	1.500.000.000	1.500.000.000	-
122	Khu dân cư Văn Xá, thị trấn Bích Động	119.443.000.000	89.150.000.000	73.150.000.000	48.444.773.320	24.705.226.680	16.000.000.000	16.000.000.000	-
123	Đầu tư xây dựng cầu vượt Vành đai 4 trên đường tỉnh 295B	180.000.000.000	153.000.000.000	77.533.512.000	2.533.512.000	75.000.000.000	75.466.488.000	20.000.000.000	55.466.488.000
124	Cải tạo, nâng cấp ĐT 288 nối bên Gầm, Phú Tài với đường Vành đai IV	14.500.000.000	13.050.000.000	6.000.000.000	2.026.000.000	3.974.000.000	7.050.000.000	7.050.000.000	
125	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Việt Tiến	4.786.032.000	3.828.825.000	3.144.558.000	244.558.000	2.900.000.000	684.267.000	684.267.000	
126	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Thượng Lan	3.802.187.000	3.041.749.000	2.373.792.000	1.173.792.000	1.200.000.000	667.957.000	667.957.000	
127	Cáo tạo, nâng cấp Trường Mầm non Thượng Lan, xã Thượng Lan	15.000.000.000	13.500.000.000	8.200.000.000	150.000.000	8.050.000.000	5.300.000.000	5.300.000.000	
128	Cáo tạo, nâng cấp trường THCS Tự Lạn	14.994.069.000	11.700.000.000	8.150.000.000	150.000.000	8.000.000.000	3.550.000.000	3.550.000.000	
129	Cải tạo, nâng cấp trường Trung học cơ sở Trung Sơn, huyện Việt Yên	11.000.000.000	10.568.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	4.568.000.000	4.568.000.000	
130	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Minh Đức, huyện Việt Yên (điểm Mỏ Thỏ)	10.000.000.000	8.915.000.000	5.500.000.000	531.000.000	4.969.000.000	3.415.000.000	3.415.000.000	
131	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non xã Tự Lạn, huyện Việt Yên (điểm chính và điểm thôn Râm)	15.000.000.000	13.500.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	
132	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non xã Minh Đức, huyện Việt Yên	14.000.000.000	13.150.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	6.150.000.000	6.150.000.000	
	Các dự án đầu tư năm 2023	2.228.717.553.000	596.529.000.000	274.700.000.000	6.716.073.000	267.983.927.000	315.411.405.000	88.011.405.000	227.400.000.000
1	Chính trang cảnh quan hệ thống giao thông không gian công cộng, cây xanh đô thị. Hạng mục: Đầu tư xây dựng công viên cây xanh và cải tạo cảnh quan hồ trung tâm huyện	15.000.000.000		150.000.000		150.000.000	-		
2	Chính trang cảnh quan đô thị trên địa bàn huyện, hạng mục: Cải tạo hồ trung tâm huyện và hệ thống công trình công cộng trên địa bàn	40.000.000.000		500.000.000		500.000.000	-		
3	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Quảng Minh	6.500.000.000	5.525.000.000	3.150.000.000		3.150.000.000	2.375.000.000	2.375.000.000	
4	Tu bổ đèn chính, sỏi Vạt cầu nước làng Yên Viên, xã Văn Hà	15.000.000.000		200.000.000		200.000.000	-		
5	Quần thể văn hóa thể thao huyện Việt Yên giai đoạn 3	265.000.000.000	225.250.000.000	55.700.000.000		55.700.000.000	169.550.000.000	29.550.000.000	140.000.000.000
6	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HDND - UBND xã Trung Sơn	30.000.000.000		400.000.000		400.000.000	-		
7	Cải tạo nâng cấp hệ thống điện tuyến đường từ đường nối QL37-QL17-ĐT292 với ĐT 298, Đường nối QL37-17-ĐT292 từ Đê Lái Nghiên đến QL17	7.300.000.000	6.205.000.000	2.600.000.000		2.600.000.000	3.605.000.000	3.605.000.000	
8	Đầu tư xây dựng cơ sở y tế, giáo dục trên địa bàn huyện; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp trường Trung học cơ sở Việt Tiến, huyện Việt Yên	25.000.000.000	21.250.000.000	10.300.000.000		10.300.000.000	10.950.000.000	10.950.000.000	
9	Hệ thống nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt huyện Việt Yên	550.000.000.000		600.000.000		600.000.000	-		

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Dự kiến khối lượng hoàn thành đến khi kết thúc dự án	Tổng vốn đã bố trí đến nay	Vốn đã bố trí đến 31/12/2022	Vốn bố trí năm 2023 (gồm cả chuyển nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi)	Nhu cầu vốn cần bố trí các năm cho dự án chuyển tiếp 2023 và dự án khởi công mới năm 2024		
							Tổng	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
10	Chỉnh trang cảnh quan đô thị trên địa bàn huyện Việt Yên; hạng mục: Xây dựng công viên khu trung tâm thị trấn Nềnh	90.000.000.000		300.000.000		300.000.000	-		
11	Đầu tư trụ sở công an xã, thị trấn giai đoạn đến năm 2025 trên địa bàn huyện Việt Yên, hạng mục: Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Thượng Lan, Nghĩa Trung, Trung Sơn			200.000.000		200.000.000	-		
12	Đầu tư trụ sở công an xã, thị trấn giai đoạn đến năm 2025 trên địa bàn huyện Việt Yên, hạng mục: Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Tiên Sơn, xã Minh Đức			200.000.000		200.000.000	-		
13	Đầu tư hệ thống phòng cháy, chữa cháy giáo dục trên địa bàn huyện	10.000.000.000	8.500.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	
14	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện huyện Việt Yên (Hạng mục: tuyến đường vành đai 4 đoạn từ trường cấp III lý Thường Kiệt đến QL37; tuyến đường ngã tư Tân Sơn đi Đông Mới)	13.700.000.000	12.604.000.000	10.000.000.000	425.601.000	9.574.399.000	2.604.000.000	2.604.000.000	
15	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện huyện Việt Yên (Hạng mục: tuyến đường 298 đoạn từ nhà máy gạch Bích Sơn đến hết địa bàn huyện Việt Yên; tuyến đường QL37-QL17-ĐT292: Km0-Km1+500; QL37 đoạn cầu vượt Đình Trám đến khu nhà ở xã hội Công nhân)	13.700.000.000	11.645.000.000	10.000.000.000	398.165.000	9.601.835.000	1.645.000.000	1.645.000.000	
16	Chỉnh trang cảnh quan đô thị trên địa bàn huyện, hạng mục: Chỉnh trang tuyến phố chính theo đề án tuyến phố văn minh và một số hạng mục khác	12.969.807.000	12.300.000.000	12.000.000.000	479.654.000	11.520.346.000	300.000.000	300.000.000	
17	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nghĩa Trung, điểm chính	11.000.000.000	9.350.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000	
18	Trụ sở Ban tiếp công dân huyện Việt Yên	10.000.000.000	8.500.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	
19	Chỉnh trang cảnh quan đô thị trên địa bàn huyện Việt Yên	50.000.000.000		200.000.000		200.000.000	-		
20	Tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử văn hóa huyện Việt Yên, hạng mục: Di tích Quốc gia Đình Đông	25.000.000.000		550.000.000		550.000.000	-		-
21	ĐT XD tuyến đường từ ĐT.298 đi Cỏ Đèo, xã Nghĩa Trung	150.000.000.000	127.500.000.000	70.300.000.000	2.527.448.000	67.772.552.000	57.200.000.000	10.000.000.000	47.200.000.000
22	ĐT XD tuyến đường kết nối từ Cỏ Đèo xã Nghĩa Trung với đường vành đai Bích Động đi thành phố Bắc Giang	130.000.000.000	110.500.000.000	50.300.000.000	2.285.205.000	48.014.795.000	60.200.000.000	20.000.000.000	40.200.000.000
23	Tuyến đường đầu nối QL37 với quần thể văn hóa thể thao huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	179.796.858.000		1.200.000.000	300.000.000	900.000.000	-		
24	Tuyến đường đầu nối quần thể văn hóa, thể thao huyện Việt Yên tới đường Tự Dương Huy	154.891.888.000		1.200.000.000	300.000.000	900.000.000	-		
25	Tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử văn hóa huyện Việt Yên; Hạng mục: Đền thờ Quán quân công Nguyễn Thế Nho	15.000.000.000		300.000.000		300.000.000	-		

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Dự kiến khối lượng hoàn thành đến khi kết thúc dự án	Tổng vốn đã bố trí đến nay	Vốn đã bố trí đến 31/12/2022	Vốn bố trí năm 2023 (gồm cả chuyển nguồn, tăng thu, tiết kiệm chi)	Nhu cầu vốn cần bố trí các năm cho dự án chuyển tiếp 2023 và dự án khởi công mới năm 2024		
							Tổng	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
26	Tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử văn hóa huyện Việt Yên; Hàng mục: Đình Văn Cốc	35.000.000.000		300.000.000		300.000.000	-		
27	Tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử văn hóa huyện Việt Yên; Hàng mục: Đền bà Chúa Kho	12.000.000.000	10.200.000.000	4.500.000.000		4.500.000.000	5.700.000.000	5.700.000.000	
28	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Thượng Lan	18.000.000.000		200.000.000		200.000.000	-		
29	Đầu tư xây dựng khuôn viên trung tâm y tế huyện Việt Yên	5.000.000.000	4.250.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000	
30	Đầu tư xây dựng trụ sở hành chính xã Tiên Sơn	44.900.000.000		400.000.000		400.000.000	-		
31	Đầu tư xây dựng trung tâm chính trị huyện Việt Yên	44.500.000.000		400.000.000		400.000.000	-		
32	Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Tiên Sơn	7.000.000.000		300.000.000		300.000.000	-		
33	Đầu tư xây dựng trường Tiểu học Tự lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (Giai đoạn 2)	40.500.000.000		200.000.000		200.000.000	-		
34	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Minh Đức, xã Minh Đức	27.000.000.000	22.950.000.000	9.800.000.000		9.800.000.000	13.150.000.000	13.150.000.000	
35	Đầu tư xây dựng cơ sở y tế, giáo dục trên địa bàn huyện; Hàng mục: Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên	40.000.000.000		200.000.000		200.000.000	-		
36	Trường Tiểu học Trung Sơn, huyện Việt Yên (Điểm dinh sơn và Điểm Sơn Quang)	34.000.000.000		200.000.000		200.000.000	-		
37	Đầu tư xây dựng Trường Mầm non Trung Sơn (Điểm Dinh Sơn)	30.000.000.000		200.000.000		200.000.000	-		
38	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Quảng Minh, huyện Việt Yên (giai đoạn 1)	29.000.000.000		450.000.000		450.000.000	-		
39	Đầu tư xây dựng cơ sở y tế, giáo dục trên địa bàn huyện; Hàng mục: Cải tạo, nâng cấp trường Trung học cơ sở Nghĩa Trung, huyện Việt Yên	41.959.000.000		200.000.000		200.000.000	-		
40	GPMB đầu tư khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện			5.000.000.000		5.000.000.000	-		
	Dự kiến điều chuyển các dự án thừa vốn (đo giám quyết toán)			5.000.000.000		5.000.000.000	(20.467.595.000)	(20.467.595.000)	